

Số:

Tu Mơ Rông, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông năm 2022

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TU MƠ RÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ các Quyết định, Thông tư liên quan¹;

Căn cứ Kế hoạch số 2995/KH-UBND ngày 12/9/2022 của UBND tỉnh Kon Tum về việc Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Căn cứ Hướng dẫn số 04/HD-SLĐTBXH, ngày 22/9/2022 của Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Kon Tum hướng dẫn rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2022.

Theo đề nghị của Phòng Lao động - TB&XH huyện Tu Mơ Rông về việc đề nghị phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông năm 2022, cụ thể như sau:

¹ Tại: Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025; Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo; Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ Trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH 18 tháng 7 năm 2021 của Bộ Trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025 và các biểu mẫu báo cáo.

1. Hộ nghèo: 2.859/6.963 hộ, chiếm tỷ lệ 41,06% (*Hộ nghèo là dân tộc thiểu số 2.858/2.859 hộ, chiếm tỷ lệ 99,97%*).

2. Hộ cận nghèo: 432/6.963 hộ, chiếm tỷ lệ 6,20% (*Hộ cận nghèo là dân tộc thiểu số 432/432 hộ, chiếm tỷ lệ 100%*).

3. Hộ thoát nghèo: 742 hộ, tỷ lệ giảm nghèo 11,05% (*Tỷ lệ % cuối năm 2021 - tỷ lệ % kết quả rà soát cuối năm 2022*), tỷ lệ hộ nghèo còn lại đến thời điểm rà soát là 41,06% (*So với tổng số hộ dân cư tại thời điểm rà soát 2.859/6.963 hộ*).

4. Hộ thoát cận nghèo: 228 hộ, tỷ lệ giảm cận nghèo 1,88% (*Tỷ lệ % cuối năm 2021 - tỷ lệ % kết quả rà soát cuối năm 2022*), tỷ lệ hộ cận nghèo còn lại đến thời điểm rà soát là 6,20% (*So với tổng số hộ dân cư tại thời điểm rà soát 432/6.963 hộ*).

5. Hộ làm Nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình: 1.561 hộ, với 6.523 khẩu (*Trong đó: Hộ làm nông nghiệp: 1.561 hộ, với 6.523 khẩu*).

(*Có phụ biểu chi tiết số 7.1, 7.2, 7.3, 7.4, 7.5, 7.6, 7.7, 7.8, 7.9, 7.10, 7.11, 7.12 và các danh sách kèm theo*)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Kết quả phê duyệt hộ nghèo, hộ cận nghèo tại Khoản 1, 2 Điều 1 Quyết định này là cơ sở để thực hiện các chính sách an sinh xã hội và các chính sách kinh tế - xã hội khác năm 2022.

2. Kết quả phê duyệt hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo tại Khoản 3, 4 Điều 1 Quyết định này là cơ sở để đánh giá tình hình, kết quả giảm tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông năm 2022.

3. Kết quả phê duyệt hộ làm Nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình tại Khoản 5 Điều 1 Quyết định này là cơ sở để thực hiện các chính sách có liên quan (*Bảo hiểm y tế, vốn vay...*) theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện; Trưởng phòng Lao động - TB&XH huyện; Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện và các đơn vị có liên quan; Chủ tịch UBND các xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở LĐ-TB&XH tỉnh;
- Ban dân tộc tỉnh;
- Sở Y Tế tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Chủ tịch, PCT UBND huyện;
- Thường trực UBND huyện;
- Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo huyện²;
- UBND các xã;
- Lưu: VT-TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Võ Trung Mạnh

² Tại Quyết định số 537/QĐ-UBND ngày 24/9/2021.

